

Immigration as Local Politics: Re-Bordering – bordering immigration and Multiculturalism through deterrence and incapacitation

Liette Gilbert

International Journal of Urban and Regional Research, 33:1, pp.26-42, March 2009

© 2009 The Author. Journal Compilation © 2009 Joint Editors and Blackwell Publishing Ltd. Published by Blackwell Publishing, 9600 Garsington Road, Oxford OX4 2DQ, UK and 350 Main St, Malden, MA 02148, USA

Vấn đề di dân với vai trò Chính trị Địa phương: Xây dựng lại ranh giới nhập cư và chủ nghĩa đa văn hóa thông qua Sự cản trở và Hạn chế năng lực

Chính sách nhập cư địa phương: tái lập ranh giới Nhập cư và Đa văn hóa thông qua hình thức cản trở và vô hiệu hóa

LIETTE GILBERT ¹

¹ Khoa nghiên cứu Môi trường, Đại học York, Toronto, Canada

Thư gửi về: Liette Gilbert (gilbertL@yorku.ca), Khoa nghiên cứu Môi trường, Đại học York, 4700 phố Leele, Toronto, Ontario M3J 1P3, Canada

Mọi sự từ chối quyền lợi được áp dụng: Tôi muốn gửi lời cảm ơn tới Kathy Kolnick, Leela Viswanathan và các nhà phê bình IJURR vì những nhận xét của họ. Mọi sự từ chối quyền lợi thông thường được áp dụng.

TÓM TẮT

Chính quyền tại những thành phố nhỏ ở Bắc Mỹ gần đây đã đặt ra những rào cản khắc nghiệt đối với chính sách nhập cư và chính sách đa dạng văn hóa. Quan chức thành phố đưa ra các điều luật liên quan tới chính sách nhập cư nhằm bảo vệ quyền của dân thành phố trước những tác động tiêu cực của việc nhập cư (trái phép). Các biện pháp chính quyền thành phố đề xuất nhằm kiểm soát dân nhập cư/di cư không chỉ đặt ra thách thức tới quyền ưu tiên của luật liên bang trong các vấn đề liên quan tới nhập cư (trong đó những điều vô lý tưởng chừng được sửa đổi) mà các biện pháp này còn góp phần mở rộng cái mà Didier Bigo gọi là “quản lý sự bất an” (“governmentality of unease”), trong đó việc di cư ngày càng bị coi như một vấn đề an ninh. Các biện pháp của chính

quyền thành phố đang tái lập ranh giới giữa vùng bao gồm/loại trừ những người di cư (bất hợp pháp) thông qua việc mở rộng kiểm soát chính trị và lãnh thổ nhập cư từ ranh giới tới trong vùng lãnh thổ, thông qua việc áp đặt và phân bổ cơ chế kiểm soát mới đến từng không gian và hoạt động hàng ngày của những người di cư/nhập cư được coi là “bất hợp pháp” và không được mong đợi. Bài viết xem xét 2 biện pháp của chín quyền thành phố liên quan tới vấn đề nhập cư (Hazleton, PA và Hesrouxville, QC). Hai biện pháp này đặt ra một mối liên quan giữa kiểm soát việc nhập cư và bảo vệ tính đồng nhất thông qua các chiến lược vô hiệu hóa và cản trở, do vậy làm suy hại tới quyền công dân của những người nhập/di cư.

PHẦN NỘI DUNG BÀI VIẾT

Quan điểm về tội phạm thay đổi, nó không còn là những hành vi tội tác mà thay vào đó là những gì “không được mong muốn”. (Bigo, 2005: 9)

Phân Giới thiệu

Một trong những thách thức lớn nhất đối với chính sách đa dạng văn hóa và nhập cư nội quốc gần đây đã được các chính quyền các thị trấn nhỏ nêu ra. Sự gia tăng dân nhập cư tại các vùng ngoại ô, thị trấn nhỏ và vùng nông thôn trong đó ít thể hiện tính đa dạng xã hội đã châm ngòi cho dư luận về các tác động của việc nhập cư đối với tình đồng nhất của quốc gia và địa phương. Bị quá tải bởi sự có mặt và nhu cầu dịch vụ của những người dân nhập cư (trái phép),¹ và nghi ngại trước khả năng liên bang quản lý ranh giới quốc gia, các chính quyền địa phương đã ngày càng bị áp lực trong việc kiểm soát dân nhập cư địa phương. Ở Mỹ hơn 100 luật địa phương liên quan tới việc nhập cư được đưa ra và cân nhắc tại các thị trấn nhỏ, các quận huyện và các hạt (trong 31 bang khác nhau) chỉ trong vòng vài tháng sau sự kiện biểu tình xuống đường lịch sử pro-immigration (ủng hộ nhập cư) tại hàng chục thành phố lớn của Mỹ hồi mùa xuân năm 2006.

Mức độ huy động địa phương chưa từng có xung quanh các vấn đề nhập cư đã được ghi dấu trong cuộc chiến đư luận giữa những người muốn tạo cơ hội cho khoảng 12 triệu dân nhập cư ‘bất hợp pháp’ sống tại Mỹ trở thành công dân Mỹ và những người muốn kiểm soát biên giới chặt hơn, muốn trục xuất tất cả những người đang sinh sống trên đất Mỹ mà họ cho là “bất hợp pháp” . Khi bắt đầu cuộc tranh luận này, những đề xuất của những người đảng Cộng hòa mang tính chất khắt khe (ví dụ HR 4437) tìm kiếm việc khép tội những người dân nhập cư không có giấy phép bằng cách tăng cường các biện pháp trục xuất và an ninh. Những đề xuất mang tính đổi mới toàn diện và hai đảng khác, được coi là “thân thiện hơn với người nhập cư”, đã được đưa ra tranh luận trong thượng nghị viện và nỗ lực nhằm xoa dịu việc gia tăng quản lý chặt biên giới, các chương trình lao động tạm thời (được thúc đẩy bởi tổng thống Bush) và mở đường cho quyền công dân (ví dụ: tình trạng hợp pháp) đối với dân nhập cư không có giấy phép. Sau nhiều tháng tranh luận trong quốc hội và công chúng, khả năng về việc cải tổ nhập cư toàn diện bị bác bỏ, một phần vì tổng thống Bush sắp hết nhiệm kì thứ hai và căng thẳng không thể hòa giải giữa an ninh quốc gia và quyền dân sự của những người dân nhập cư.

Khi các biện pháp của chính quyền thành phố thể hiện tinh thần chính quyền liên bang xúc tiến về việc phi pháp hóa việc nhập cư, các địa phương nhận thấy đổi mới chính sách nhập cư quốc gia thất bại tạo cơ để họ hợp pháp hóa hành động của mình. Chính quyền địa phương cho rằng do chính quyền liên bang không đủ khả năng để củng cố luật nhập cư và kiểm soát biên giới Mỹ - Mexico, họ cũng không có khác nào khác là thực thi các biện pháp nhằm bảo vệ quyền của người dân trong nước khỏi những tác động tiêu cực của nạn nhập cư trái phép. Trong nhiều tháng, các quan chức địa phương được đề cử trở thành những người mở màn cho chính sách nhập cư và “những nhà quản lý sự bất an chuyên nghiệp” **professional managers of unease**” (Bigo, 2002: 74).

Họ hợp pháp hóa hành động của mình vào lý do không hiệu quả của chính phủ trong việc kiểm soát biên giới và tác động mang tính cục bộ của dân nhập cư “không được chào đón”. Trong dự thảo luật nhập cư của thành phố, các quan chức đã tìm cách ngăn chặn dân nhập cư không có giấy phép bằng cách hạn chế một số không được phép định cư tại các thị trấn nhỏ hoặc cản trở bằng cách đe dọa, thi hành luật và các chương trình đăng ký để họ phải định cư ở nơi khác. Khi đi vào chính trị nhập cư và an ninh nội bộ/biên giới mà trước đây thuộc thẩm quyền liên bang, các nhà lãnh đạo địa phương không chỉ kêu gọi việc chống nhập cư trên diện rộng hơn và thông qua lời hứa sẽ đặt thêm nhiều hàng rào tại biên giới Mỹ - Mexico, họ còn khẳng định việc nhập cư không có giấy phép là đe dọa an ninh cho cả địa phương và quốc gia.

Quan niệm rằng dân nhập cư/di cư đe dọa tới nền văn hóa quốc gia và các địa phương cũng được thể hiện ở thành phố nhỏ phía Bắc biên giới Mỹ - Canada. Tháng 1 năm 2007, Hesusouville ở Quebec đã thực hiện “code of conduct” đối với người dân nhập cư. Mặc dù khác về phạm vi và nội dung so với các luật chính quyền địa phương của Mỹ nhưng có sự tương tự trong việc kiểm soát nhập cư và bảo vệ tính đồng nhất, chính sách của Herouxville được nhìn nhận như một sự phản ứng trước sự quá mức đối với chính sách đa văn hóa của người Canada và chính sách giao lưu văn hóa Quebec.

Bài viết cho rằng các đạo luật của chính quyền thành phố liên quan tới việc nhập cư, nghị quyết và các tuyên bố là một trong số những chiến lược tân tự do mới nhất được triển khai trong việc kiểm soát nhập cư, phân tách trong kiểm soát biên giới và tái lập biên giới của chính quyền bang (Nevins, 2002; Andreas, 2003; Coleman, 2005; Walters, 2006). Không chỉ luật thành phố và các tuyên bố tái lập biên giới bao gồm/loại trừ dân nhập cư trái phép bằng cách mở rộng kiểm soát chính trị và lãnh thổ nhập cư đối với các thị trấn nhỏ, những luật này còn áp đặt và phân bổ cơ chế kiểm soát mới tới từng không gian và hoạt động của những người được coi là không được mong đợi hoặc không được điều chỉnh

(Coleman,2007). Các biện pháp của chính quyền thành phố nhằm kiểm soát dân nhập/di cư không chỉ đặt ra thách thức mang tính thể chế tới quyền ưu tiên của liên bang liên quan tới nhập cư (trong đó những điều vô lý tưởng như được sửa đổi), mà các biện pháp này còn mở rộng cái Bigo (2002) gọi là “quản lý sự bất an” (nơi di cư đang ngày càng bị coi là vấn đề an ninh – và cuối cùng lại hợp lý hóa cơ chế loại trừ. Sử dụng các biện pháp này, việc tái thiết lập ranh giới địa phương được thực hiện thông qua việc mở rộng và đặt ngang hàng việc kỷ luật và quản lý khu vực tội phạm và dân nhập cư trái phép giao cắt nhau trong ranh giới giữa an ninh/không an ninh, đồng thời liên hệ tới sự giảm cơ chế luật lệ xã hội và sự gia tăng của cơ chế luật tân tự do.

Kỷ luật/Quản lý biên giới/xã hội

Bằng cách hòa trộn những điều luật khép tội trong luật nhập cư, tính pháp lý của kiểm soát xã hội và quyền lực địa phương, và việc chống lại nhập cư “trái phép” ở ạt, chính sách của thành phố liên quan tới luật nhập cư nhấn mạnh sự căng thẳng giữa phán xét tội phạm và kiểm soát xã hội (Kanstroom, 2004; legomsky, 2007) giữa cách chính sách thi hành biên giới và chính sách “phân loại” xã hội của thành phố (Walters, 2006), và quyền ưu tiên của liên bang với luật nhập cư và quản lý địa phương và trách nhiệm giải trình (Bigo,2002). Các biện pháp của chính quyền thành phố liên quan tới nhập cư lý giải những gì mà Walters (2006: 191) cho là “chuyển đổi trong không gian quyền lực” của ranh giới các bang từ một sự diễn giải về “xã hội kỷ luật” của Fouccaudian, nơi mô hình quản lý cấu thành nên các khu vực và công nghệ cụ thể về giam giữ và trừng phạt thành mô hình “xã hội kiểm soát” của Deleuzian hình thành bởi mạng lưới phân quyền quản lý và giám sát rủi ro. Trong cơ chế quản lý phân quyền, quản lý được thực hiện thông qua các cơ cấu xã hội và vật chất chứ không phải là bị điều chỉnh bởi (bản gốc mất chữ)...

Những nỗ lực của thành phố nhằm thực hiện luật nhập cư vì vậy mở rộng chính trị biên giới tới nội bộ quốc gia. Rose (1999: 236) cho rằng những hình thức quản lý hậu kỳ luật “làm cho quyền lực trở nên hiệu quả hơn...ít trở ngại – do vậy sẽ giảm được những sai lầm hư hại, băng hoại đạo đức và chính trị và khả năng kháng cự”. Những chiến lược quản lý như vậy tìm cách hành động trước khi bộ phận dân chúng tiềm năng đem lại rắc rối nhằm giảm thiểu rủi ro của những tình huống không mong đợi (Rose, 1999).

Kiểm soát rủi ro và quản lý xã hội (hoặc chính trị sinh học) vì vậy không chỉ đơn thuần được thực hiện bởi bang mà còn được phân quyền cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng và bằng cách này, những hình thái mới của quản lý và hợp tác giữa mạng lưới công và tư nhân gia tăng (Bigo, 2002). Những cách phân quyền xã hội như vậy không tăng lên theo sự suy giảm quản lý mà là “một sự mở rộng mạng lưới kiểm soát mà mắt lưới trở nên tốt hơn 1 cách ngoạn mục và ranh giới của chúng trở nên vô hình vì nó trải rộng để bao hàm cả những vi phạm trật tự thông thường đang ngày càng ít đi” (Rose, 1999: 238). Mạng lưới điều hành này, hay những gì mà Bigo (2002) gọi một cách thích hợp là “quản lý sự bất an” , **được duy trì bởi những** cơ chế loại trừ khác nhau, mà trong những trường hợp đặc biệt của chính sách nhập cư địa phương, cố gắng giữa những người nhập/di cư như những người ngoài lề trong ranh giới của 1 bang/xã hội (ibid).

Mặc dù việc nhập cư đã được quy định và phân loại rõ ràng bởi một sự dịch chuyển lớn hơn trong không gian quyền lực của biên giới các quốc gia/bang (tới sân bay, lãnh sự quán, người chuyên chở, người chủ lao động, hệ thống máy tính, trong số rất nhiều các khu vực khác), quản lý nhập cư đặt ngang hàng với cơ chế kiểm soát và kỷ luật (Walters, 2002). Chính sách nhập cư từ lâu bao gồm cả khía cạnh kỷ luật và quản lý, cùng với xử lý tội phạm và quản lý xã hội. Một cơ chế kỷ luật bao gồm bắt giữ và trục xuất liên tục dần tới tương lai những người nhập cư (không có giấy phép) dễ bị tổn thương vì kiểm soát ngày càng phức tạp thông qua quá trình quản lý (ví dụ như, trong định nghĩa về chương

trình nhập cư, các hạng mục và tiêu chí lựa chọn) và cơ chế này sẽ trở thành rào cản cản trở bên trong và ngoài lãnh thổ quốc gia. Thực tế kiểm soát và kỷ luật đặt cùng nhau bắt nguồn từ biên giới.

Trong những năm giữa thập niên 90 của thế kỷ 20, sự phát triển của bộ máy cảnh sát dày đặc dọc biên giới Mỹ - Mexico đảm bảo cho quyền kiểm soát và kỷ luật của quốc gia và phục vụ cho mục đích ngăn cản vượt biên (trái phép). Ý tưởng ngăn cản vượt biên này được thực thi thông qua hệ thống gác cổng triển khai qua một loạt hàng rào, camera theo dõi tinh vi và công nghệ thông tin kèm theo nhân sự kiểm soát (Andreas, 2002; Nevins, 2002; Kil và Menjivar 2006).

Mức độ kiểm soát chặt biên giới không một lỗ hổng chưa từng có trước đây nhằm đảm bảo kiểm soát biên giới Mỹ - Mexico (không có sự kiểm soát như vậy tại biên giới Mỹ - Canada). Quan điểm cản trở kiểu phòng vệ này được cho là hiệu quả hơn chính sách phổ biến lúc đó là kêu gọi sự quan tâm của cộng đồng và các quan chức về khả năng chính phủ Mỹ sẽ phải ngăn ngừa cái gọi là nhập cư bất hợp pháp từ Mexico. Kết quả của sự thi hành quản lý chặt biên giới nhằm ngăn cản những người di cư không vào Mỹ là thay vì vượt biên chạy vào các khu đô thị, họ chuyển tới những vùng hẻo lánh và nguy hiểm (**perilous**) và thực tế đáng buồn là 4,000 trường hợp tử nạn liên quan tới vượt biên xảy ra từ năm 1994 tới năm 2006 (Nevins, 2007). Tuy nhiên, theo quan điểm của chính quyền kiểm soát biên giới (**patrol authorities**), các nỗ lực củng cố kiểm soát biên giới được coi là thành công do đã giảm được tổng thể 30% số người vượt biên bị bắt dọc biên giới Nam Mỹ (Customs and Border Patrol, 2007). Điều thú vị là, mức độ ngăn cản người vượt biên trong việc kiểm soát biên giới vẫn được đo lường bằng lượng người vượt biên bị bắt. Không ngạc nhiên rằng việc quản lý bằng hình thức ngăn cản và quản lý rủi ro an ninh dẫn tới thực thi những nhu cầu bất tận trong các công nghệ tường rào chia cách Mỹ và Mexico.

Phương pháp xây dựng rào cản tại biên giới cho rằng việc tăng cường thắt chặt biên giới và có hình thức xử phạt nghiêm sẽ làm nao núng những người di cư không nhập cư “trái phép” vào Mỹ (Legomsky, 2007). Tuy nhiên quan điểm này lại đánh giá thấp tầm quan trọng của việc liên kết di cư qua biên giới và các cơ hội nghề nghiệp trong bối cảnh kinh tế xã hội ký kết các hiệp định toàn cầu hóa thị trường tự do và sự gia tăng không ổn định và bất công bằng trong và giữa kinh tế Mỹ và Mexico. Ngăn cản không dừng lại ở biên giới, nó liên tục theo dõi những người dân di cư bí mật thông qua những biểu hiện khác nhau của sự sợ hãi, lo lắng và nguy cơ mất năng lực (giống như (không) tự nguyện rời khỏi Mỹ). Tuy nhiên, lý thuyết về việc cản trở tại biên giới còn không mơ hồ như vậy, việc thực hiện nó thậm chí còn chắc chắn hơn.

Người ta nhận thấy khởi nguồn căng thẳng biên giới Mỹ - Mexico, rất nghịch lý, là nơi bắt nguồn từ cuộc đổi mới giải phóng những năm 1960, xóa bỏ hạn ngạch nhập cư về sắc tộc. Mặc dù vậy, ít người biết rằng luật này đã thiết lập nên hạn ngạch hằng năm nhằm hạn chế việc di cư từ Tây bán cầu (mà trước đây chưa bao giờ bị hạn chế về mặt số lượng) và có tác động mạnh tới hạn chế việc di cư “hợp pháp” từ Mexico. Những tác động lịch sử lẫn nhau giữa nhu cầu vô hạn về lao động người Mexico và khả năng dễ bị trục xuất (di chuyển lao động người Mexico có đặc điểm chỉ dùng được một lần) trong luật nhập cư đã hình thành nên những luật về tính bất hợp pháp của người di cư/ người Mexico (De Genova, 2004; Ngai, 2004). “Tính bất hợp pháp” như một quá trình quản lý được gắn liền trong luật nhập cư cuối cùng được kiểm soát để làm lợi cho nền kinh tế Mỹ nhưng nó ngày càng không thể kiểm soát được và không công bằng vì nó không thừa nhận sự tồn tại về pháp lý của 12 triệu người đang tồn tại về cả thể chất, xã hội và kinh tế trong xã hội dân sự nhưng không được công nhận về mặt chính trị và pháp lý (Coutin, 2000; 2005).

Sự thất bại trong việc liên kết việc di cư (không giấy phép) với toàn cầu hóa và nhu cầu/cầu lao động dẫn tới sự tập trung vào việc tội phạm hóa những người

nhập cư (không giấy phép), như trong những năm 80 và 90 của thế kỉ 20, hàng loạt các chính sách liên bang đã tạo ra những tội mới liên quan tới dân nhập cư, gia tăng các hình phạt đối với các tội hiện thời và xử phạt nặng hơn (Miller, 2003; Kanstroom, 2004; Legomsky, 2007). Dưới thời quản lý Reagan, đạo luật quản lý và đổi mới nhập cư năm 1986 nhằm cấm những người chủ lao động không được thuê lao động không có giấy phép và nhằm khép tội những người lao động vì sử dụng giấy tờ giả. Dưới thời Clinton, đạo luật trách nhiệm người nhập cư và cải tổ nhập cư trái phép đã tạo ra những tội mới liên bang liên quan tới khiếu nại nộp đơn xin sai, trực tiếp khép tội cho những người di cư và những người lao động (không có giấy phép). Thêm nữa, đạo luật xử tử và chống khủng bố có hiệu lực đã đẩy mạnh vai trò của việc thi hành luật bằng cách mở rộng cơ sở tử hình trong trường hợp đặc biệt, điều này đã từng bị hạn chế ở tội giết người, buôn bán thuốc phiện hoặc vũ khí, và bây giờ nó được mở rộng tới việc hối lộ, khai man trước tòa, và giả chữ ký (được coi là gần như không thể thoát được bởi các luật có tính hạn chế)

Since September 11, anti-terrorism statutes enacted under the Bush government have been laden with immigration-related criminalizing provisions in the name of national security. There has been a proliferation of immigration-related criminal convictions and removals through the expansion of 'deportability' in the 2001 Patriot Act. The numbers of individuals subjected to mandatory and discretionary preventive detention (pending criminal procedures) and indefinite detention on grounds of national security have significantly increased (Kanstroom, 2004).

Từ ngày 11/9, luật chống khủng bố có hiệu lực dưới thời tổng thống Bush đã đưa vào rất nhiều điều luật tội phạm hóa liên quan tới nhập cư dưới cái vỏ an ninh quốc gia. Có sự gia tăng của việc kết án và tử hình tội phạm liên quan tới dân nhập cư thông qua việc mở rộng “khả năng trục xuất” trong đạo luật Patriot năm 2001. Số lượng các cá nhân bị bắt giữ nhằm mục tiêu ngăn chặn bắt buộc

hoặc có chủ ý (thủ tục hình sự chưa thực thi/treo) và giam giữ không hạn định trên cơ sở an ninh quốc gia đã tăng một cách đáng kể. (Kanstroom, 2004).

Quyền tự quyết giam giữ của văn phòng an ninh nội địa trên cơ sở an ninh quốc gia đã đặc biệt gây tranh cãi do gộp người di/nhập cư và những kẻ khủng bố vào một nhóm, và phân biệt đối xử tôn giáo và sắc tộc của các cộng đồng. Đề xuất Luật bảo vệ biên giới của Sensebrenner năm 2005 để gây bất đồng, luật chống khủng bố và nhập cư bất hợp pháp (HR4437) (đã kích ngòi cho việc xuống đường phản kháng việc ủng hộ di cư hàng loạt) đã đẩy mạnh việc quản lý kiểm soát và kỷ luật lên mức chưa từng có bằng cách đề xuất án tử hình treo giam giữ ngăn ngừa đối với bất kì ai tìm cách thâm nhập vào nước Mỹ bất hợp pháp. Hơn nữa, đề xuất này cũng đi xa tới mức coi việc có mặt ở nước Mỹ trái phép hay việc giúp những người di cư không có giấy phép là có tội, ví dụ phủ nhận quyền được quy định trong hiến pháp đối với việc xử lý và mở rộng một cách phù hợp mạng lưới kiểm soát và nhập cư trên toàn xã hội.

Tạm giữ và tước quyền thoát ra ngoài biên giới

Việc chỉnh sửa chính sách nhập cư bao gồm một loạt các hành động diễn ra ở quy mô dưới quốc gia. Trong khi Hiến pháp Mỹ cho chính phủ liên bang quyền độc quyền điều chỉnh việc nhập cư, nhiều đề xuất pháp lý của chính quyền thành phố và các bang đã thách thức điều khoản tối cao ngăn cấm các chính quyền cấp thấp hơn đưa ra các hành động liên quan tới vấn đề nhập cư. Căng thẳng từ lâu diễn ra giữa trách nhiệm liên bang với người nhập cư và trách nhiệm của địa phương và từng bang nhằm đảm bảo sức khỏe, phúc lợi và sự an toàn của người dân (Well, 2004)

Luật các bang dọc theo biên giới Mỹ - Mê xi cô đi đầu trong việc cáo buộc chi phí phụ trội do phải cung ứng dịch vụ liên quan tới người nhập cư bằng cách kiện chính phủ liên bang. Trong những năm 1990, những bang dọc biên giới như Texas và California đã bỏ phiếu cho phương pháp mạnh mẽ nhằm cấm giáo

dục công, dịch vụ chăm sóc y tế công cộng và các dịch vụ xã hội khác đối với những người nhập cư không có giấy phép. Những biện pháp như vậy, trong Tuyên ngôn 187 của bang California, cuối cùng được điều chỉnh ngược với hiến pháp bởi tòa án, nơi đã tái khẳng định quyền duy nhất của chính phủ liên bang trong những vấn đề liên quan tới nhập cư. Tuy nhiên, gói luật cải cách nhập cư và phúc lợi đã thúc đẩy luật địa phương và bang nhằm hạn chế các dịch vụ liên quan tới nhập cư hoặc hạn chế người nhập cư tiếp cận những dịch vụ như vậy trong khuôn khổ điều chỉnh của luật trong phạm vi hành pháp của họ, và nhằm thiết lập đền bù cho việc loại trừ những người dân nhập cư trong việc hưởng những dịch vụ xã hội liên bang. Xu hướng này tiếp tục tới mức mà, theo hội nghị quốc gia Mỹ về luật bang (2007), 1,562 luật được đề xuất trong năm 2007 liên quan tới giáo dục, việc làm, nhận dạng (bằng lái xe), thực thi luật, lợi ích công, buôn lậu, hỗ trợ hợp pháp và đổi mới việc bỏ phiếu – thì 244 luật trong số này trở thành luật của 46 bang khác nhau. Chính trong bối cảnh luật năng động về đổi mới nhập cư này mà các đạo luật thành phố cũng theo đó phát triển.

Theo dữ liệu của FIRM (PHong trào đổi mới nhập cư công bằng) (2007), 135 chính quyền địa phương đã giới thiệu hoặc cân nhắc các biện pháp chống nhập cư nhằm điều chỉnh sự có mặt của những người di cư (không có giấy phép) từ mùa xuân năm 2006. Mặc dù luật nhập cư có dao động lớn khi chính quyền địa phương chủ ý điều chỉnh tranh chấp pháp lý và thể chế chưa được quyết định (FIRM, 2007), phần lớn trong số luật này bắt nguồn từ một đạo luật bao gồm nhiều nội dung do Joseph Turner của Save Our State, một tổ chức “chống phi pháp” với nền tảng đặt theo tên của luật California 187 gây tranh cãi.

Sáng kiến của Turner đánh dấu nỗ lực đầu tiên nhằm sử dụng quyền lực chính quyền thành phố nhằm giảm thiểu những tác động của nhập cư (không giấy phép). Turner (2006) tiên phong chuẩn bị cho sang kiến nhập cư “chống bất hợp pháp” cho San Bernadio, California, và “muốn cung cấp một mẫu cho các quan chức địa phương được bầu cử để trình bày khả năng của chính quyền địa

phương trong việc giảm thiểu những tác động tiêu cực của nhập cư trái phép” (Menlo Park city Council, 2006). Phương pháp đặc biệt của ông đối với thành phố San Bernadio tập trung vào người lao động ngày và cấm sự đầu tư thuê các trung tâm sử dụng tiền của người trả thuế. Luật do Turner đề xuất cũng biến việc cho người di cư không có giấy phép thuê nhà là bất hợp pháp, phủ nhận cấp giấy phép kinh doanh đối với các doanh nghiệp trợ giúp và tiếp tay cho người di cư không có giấy phép, và cầu thành chính sách chỉ có người Anh. “đạo luật giảm nhập cư bất hợp pháp” của ông đã bị hội đồng thành phố San Bernadio bác bỏ vào tháng năm năm 2006 và đã bị phủ quyết trong một cuộc bỏ phiếu đặc biệt do không được toàn bộ hội đồng đồng ý.. Tuy nhiên sang kiến của Turner đã sớm được nhiều thành phố ở Mỹ áp dụng

50 chính quyền thành phố khác nhau đã phát triển Những biến thể của “Luật giảm nhập cư bất hợp pháp” – gần 1 nửa những thành phố này ở vùng đông Pennysylvania (FIRM, 2007). Những đạo luật khác tập trung hoàn toàn vào người lao động (không có giấy phép). Những luật lao động cụ thể (của 34 thành phố) nhằm ngăn cản các doanh nghiệp, chủ nhà và cơ quan thành phố thuê những người dân nhập cư (không giấy phép) (ibid). Những luật này cũng sẽ phủ nhận giấy phép của các doanh nghiệp cố ý thuê người dân nhập cư không có giấy phép hoặc buộc các chủ doanh nghiệp phải đệ trình *afudavits* cam kết rằng họ sẽ không thuê người lao động không có giấy phép – mặc dù những quy định như thế này đã nằm trong luật liên bang (US Code, điều 8, phần 1324a) và trong luật quản lý và đổi mới nhập cư năm 1986 (IRCA), trong đó đã thiết lập quá trình xác nhận tính hợp pháp lao động và chương trình trừng phạt tăng cường đối với việc thực hiện tại nơi làm việc.

Một số luật địa phương nằm ngoài những quy định của liên bang thông qua việc thiết lập chương trình đăng kí của chính quyền thành phố đối với người lao động theo ngày. Luật địa phương cũng mở rộng các biện pháp kiểm soát lao động sang cả lĩnh vực nhà đất. 14 chính quyền địa phương đã ra các điều luật về

nhà đất trong đó yêu cầu chủ đất xác nhận tình trạng nhập cư của người đi thuê (và, trong một vài trường hợp, phải cung cấp thông tin này cho các quan chức y tế và cảnh sát) nếu không sẽ bị phạt từ 1,000\$/ngày tới 1,000/1 người thuê nhà hoặc 6 tháng tù giam (ibid).

Thêm 15 chính quyền địa phương đề xuất các đạo luật kết hợp cả các quy định ngăn cấm người nhập cư không giấy phép không được thuê nhà và đi làm (ibid). Một kiểu luật khác, kết hợp cả vấn đề nhà đất và/hoặc việc làm hoặc tách biệt, được thông qua nhằm giữ tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc là ngôn ngữ duy nhất của thành phố/thị trấn. Luật ngôn ngữ được ra đời tại 16 thành phố (ibid). Cuối cùng, 6 luật thành phố trao quyền cho cảnh sát địa phương thực thi luật nhập cư thông qua việc xác nhận tình trạng nhập cư của những người bị nghi ngờ phạm tội (ibid). Với Văn phòng an ninh quốc gia, những kiểu hợp tác như vậy đã tồn tại giữa cơ quan thực thi thuế và nhập cư (ICE) và các cơ quan của bang và địa phương, chủ yếu ở các dịch vụ sửa chữa, hiệu đính.

Chính quyền thành phố tận dụng quyền kiểm soát phân bổ nhằm hợp pháp hóa việc loại trừ mang tính không gian xã hội ... Từ việc nghi ngờ đến từ chối tiếp cận các dịch vụ công và dịch vụ xã hội (theo luật liên bang thì có quyền), mức độ của các biện pháp cản trở nhập cư tại các địa phương có vẻ đã làm vô hiệu hóa những công dân không được chào đón. Vô hiệu hóa không được sử dụng ở đây theo nghĩa phạt tù hay kỷ luật nặng và mang ý nghĩ về mật quản lý dẫn tới sự loại trừ một nhóm người ra khỏi cơ chế cấu trúc, không gian, xã hội. Nếu suy xét vô hiệu hóa là “sự tách những người không mong muốn ra khỏi xã hội (Legomsky, 2007: 514), vô hiệu hóa đối với người nhập/di cư có mặt trong cuộc sống hàng ngày và mọi nơi của những người dân nhập cư (không giấy phép) (ví dụ nơi làm việc, ở nhà, hàng xóm, trên đường phố, vân vân...), tước đoạt khả năng tham gia vào đời sống bình thường của họ bằng cách dùng những quy định/kiểm soát lên sự tồn tại và chuyển động của họ. Trong năm ngoái, người dân nhập cư (không giấy phép) và gia đình họ, đặc biệt là người Latinh, đã phải

rút khỏi cộng đồng và đời sống công để tránh bị phát hiện và trục xuất. Họ tránh không đi chợ tại những nơi “cùng chủng tộc” và tránh không đi họp trường. Họ thay đổi hành trình đi lại để tránh bị bắt, phạt và bị trục xuất, và họ phải lên kế hoạch khẩn cấp cho cả gia đình trong trường hợp một thành viên không trở về sau giờ làm. Họ đóng cửa kinh doanh và đến lập nghiệp ở những thành phố lớn hơn để kiếm tìm những người có hoàn cảnh tương tự mình.

Như vậy thì, việc vô hiệu hóa theo định nghĩa của Gilmore (2007: 24) là “giải pháp địa lý”, tức là giải quyết vấn đề xã hội bằng cách phân bố lại dân cư, phát triển từ bản than tại biên giới, và tại biên giới, việc vô hiệu hóa và ngăn cản của địa phương chỉ làm rắc rối tệ hơn và chuyển rắc rối sang chỗ khác chứ không thể giải quyết rắc rối. Hơn nữa, chiến lược vô hiệu hóa này hoàn toàn phù hợp với mô hình quản lý nhằm khuếch tán sự hữu hình của vấn đề bằng cách quản lý rủi ro và hợp pháp hóa đối thoại tân tự do “gây căng thẳng trong nhu cầu của cá nhân và cộng đồng nhằm nhận trách nhiệm nhiều hơn cho sự an ninh của chính họ” trong khi những người nhập cư “bị buộc phải chấp nhận tội lỗi đạo đức của họ” (Rose, 1999: 239).

Khẳng định lập luận của việc tự lực và tự quản (Raco và Imrie, 2000), chính sách nhập cư của các thành phố đã thể hiện sự không tin tưởng vào thể chế bang truyền thống, rộng và kém hiệu quả, và đã tạo ra sự tự do thị trường, tự do cá nhân, trách nhiệm của bản thân và giải trình trách nhiệm của địa phương.

Entrenched in a moralistic distinction between 'legal' and 'illegal', earned and unearned citizenship, deserving and non-deserving residents, local governments (under the neoliberal and egregiously oversimplified credo 'illegal is illegal') see themselves as protector of local and national culture, responsible for risk management, and enabler of law and order. Drawing from [Weber's \(1947\)](#) classical sociological theory of state and bureaucracy, local governments legitimized their authority by using their political power to confront federal

regulation, their traditional police power to construct migrants and their practices as public nuisance, and their charismatic power by capitalizing on a climate of national insecurity. The following sections examine two different cases of 'governmentality of unease' where local governments express their local control over im/migrants through a mix of practices of incapacitation and deterrence and, by doing so, 'impose their definition of who and what aspires fears' (Bigo, 2005: 12).

Được bao quanh bởi sự khác biệt về mặt đạo đức giữa “hợp pháp” và “bất hợp pháp”, quyền công dân được thừa nhận và không được thừa nhận, công dân xứng đáng và không xứng đáng, các chính quyền địa phương (theo cương lĩnh tân tự do và được đơn giản hóa quá mức “phi pháp là phi pháp”) tự coi mình như người bảo vệ văn hóa dân tộc và địa phương, họ chịu trách nhiệm quản lý rủi ro và thúc đẩy luật pháp và trật tự. Lấy từ lý thuyết xã hội học cổ điển về bang và hệ thống quan liêu của Weber (1947), chính quyền các địa phương hợp pháp hóa thẩm quyền của họ bằng cách sử dụng quyền lực chính trị để đối đầu với các quy định của liên bang, dùng lực lượng cảnh sát truyền thống của họ để biến những người nhập cư và hoạt động của họ trở thành sự phiền phức cho xã hội và thể hiện quyền lực uy tín của mình bằng cách lợi dụng điều kiện không an toàn của quốc gia. Những phần tiếp theo xem xét 2 trường hợp “quản trị sự bất an” nơi chính quyền các địa phương thể hiện sự kiểm soát của mình đối với những người dân nhập/di cư thông qua sự kết hợp của vô hiệu hóa và cản trở, bằng cách này, “áp đặt định nghĩa của họ về ai và điều gì gây nên sự sợ hãi” (Bigo, 2005: 12)

Chính sách vô hiệu hóa địa phương: Hazleton, Pennsylvania

Hazleton, Pennsylvania đã thảo ra luật nhập cư địa phương toàn diện và được nghiên cứu kỹ nhất. Thành phố này, tự nhận mình là thành phố khó khăn nhất

đối với những người nhập cư “trái phép”, đã thông qua Luật Relief Giảm Nhập cư Trái phép (IIRA) bao gồm 2 vấn đề chính: quy định việc thuê và chứa chấp những người nhập cư không giấy phép là vi phạm pháp luật (City of Hazleton, 2006a). Các quan chức của Hazleton thảo ra một luật liên quan thiết lập 1 chương trình đăng ký thuê nhà, yêu cầu người dân phải xin cấp phép ở bằng cách chứng minh tình trạng pháp lý của họ tại Mỹ (city of Hazelton, 2006c). Chính quyền thành phố này cũng đề xuất luật chỉ có người Anh (City of Hazleton, 2006b).

Hội đồng thành phố Hazleton ban đầu thông qua luật IIRA và luật đăng ký thuê nhà vào tháng 7/2006. Chưa đầy một tháng sau, việc gười dân và các tổ chức người Latinh trong thành phố đã thực hiện hành động pháp lý gây ra khó khăn trong việc đưa áp dụng các luật này và tòa án tạm thời ngăn Hazleton chưa thực hiện các luật này.

The dispute was brought to court in March 2007 and Hazleton's IIRA and Tenant Registration ordinances were ruled unconstitutional by a federal judge in July 2007. Vụ In a long-awaited verdict by other small towns considering Hazleton-like legislation, the US District Court concluded that the City of Hazleton did not have the authority to enact ordinances that regulate the presence and employment of undocumented migrants.

Vụ kiện được đưa ra tòa vào tháng 3/2007 và các luật đăng ký thuê nhà và luật IIRA của Hazleton đã bị tòa án liên bang cho là trái với hiến pháp vào tháng 7/2007. Trong lời kết án được chờ đợi bởi những quận nhỏ khác liên quan tới luật pháp tương tự như của Hazleton, tòa án cấp Quận của Mỹ đã kết luận rằng City of Hazleton không có thẩm quyền đưa ra các chỉ thị nhằm quy định về sự xuất hiện và công việc của những người nhập cư không giấy phép. Các chỉ thị của Hazleton dựa trên trước nhất các tác động tiêu cực của việc di cư (không giấy phép) vào lãnh thổ của họ.

Lấy trực tiếp từ ý tưởng đa mục tiêu ban đầu của Turner, luật giảm nhập cư chống “bất hợp pháp” của thành phố Hazelton cho rằng “nhập cư trái phép dẫn tới tỷ lệ tội phạm gia tăng, bệnh viện địa phương gặp khó khăn tài chính và cư dân hợp pháp của thành phố chỉ hưởng chất lượng chăm sóc dưới chuẩn, góp phần gia tăng gánh nặng cho các dịch vụ công, tăng chi phí và gây ảnh hưởng tới việc tiếp cận dịch vụ của các công dân hợp pháp, và giảm chất lượng cuộc sống tổng thể” (City of Hazelton, 2006: 2.C). Khi liên tiếp bị yêu cầu đưa ra số liệu chứng minh, thị trưởng thành phố Hazelton, Lou Barletta, cho rằng ông không (có hoặc) cần dữ liệu để chứng minh những tác động tiêu cực như vậy. Bằng cách này, ông xác nhận thẩm quyền truyền thống trong khi cũng bảo vệ quan điểm “che giấu vấn đề thực sự dưới cái vỏ định kiến về văn hóa” (Harvey, 2005: 39).

Kết quả tiêu cực của việc nhập cư một cách xáo quyết liên quan tới trách nhiệm của chính quyền thành phố trong việc ngăn chặn những hậu quả tới mức như vậy vì trách nhiệm của chính quyền là làm giảm những rắc rối công, họ được dân trao quyền và ủy nhiệmđể làm hạn chế những phiền toái của việc nhập cư bất hợp pháp bằng cách tập trung cấm những luật và chính sách hỗ trợ dân nhập cư trái phép theo cách phù hợp với luật liên bang và mục đích của quốc hội” (City of Hazelton, 2006a: 2.D).

Trong khi những rắc rối công cộng thuộc trách nhiệm của chính quyền thành phố trong việc điều chỉnh y tế cộng đồng, an toàn và phúc lợi dưới quyền lực cảnh sát (Talmadge, 2000), coi việc nhập cư “trái phép” như nhân tố gây ra rắc rối chung đã tạo ra căng thẳng giữa cảnh sát địa phương và quy định từ trước của liên bang . Theo phán xét rằng luật IIRA của Hazelton và luật đăng kí nhà ở phi phạm luật liên bang và do bảo vệ quy trình, thẩm phán James Munley (2007: 185) cho rằng không cần thiết lập quyền lực cảnh sát vì sự phi phạm hiến pháp của các đạo luật đã tự nó thể hiện sự vi phạm quyền lực cảnh sát. Munley (ibid) đi xa hơn trong việc chỉ ra rằng quyền lực cảnh sát địa phương do bang ủy

thác cho chính quyền thành phố được sử dụng để đẩy mạnh phát triển y tế công, an toàn và phúc lợi nói chung và không được phi phạm tự do căn bản của công dân. Trong phần kết luận, Munley (ibid: 188-89) tháo gỡ bất kì căng thẳng nào giữa quyền lực bang và địa phương.

Dù quan chức thành phố Hazleton có cảm thấy thất vọng như thế nào về việc thi hành chính sách nhập cư của bang hiện tại, bản chất của hệ thốn chính trị của Mỹ không cho phép thành phố ra những luật mà trái với những gì mà cơ chế liên bang đã đưa ra... Hazleton, trong nỗ lực của mình *nhằm kiểm soát sự có mặt của nhóm người bị cho là không được mong muốn*, đã vi phạm quyền của những người này, cũng như những người khác trong cộng đồng (thêm phần nhấn mạnh)

Nhìn nhận những người nhập cư không giấy phép như những thể nhân mà theo quy trình luật pháp họ được bảo vệ, tòa án đã bác bỏ hiệu lực những đạo luật của thành phố Hazleton trong đó bảo vệ chất lượng cuộc sống của một số cư dân thành phố nhất định bằng cách loại trừ những người khác. Hazleton ý giải cho “quyền” (của những công dân “hợp pháp” hiện thời) là sống trong yên bình không bị đe dọa bởi tội phạm, được hưởng dịch vụ công cộng do thành phố này cung cấp mà không chịu những gánh nặng của việc gia tăng chi phí cung cấp hàng hóa, hay bị ảnh hưởng vì sự cạnh tranh hưởng thụ dịch vụ từ phía những công dân bất hợp pháp tại Mỹ” (City of Hazleton, 2006a: 2.F).

Chính quyền các địa phương tin một cách chính thức rằng họ sẽ chẳng gặp khó khăn gì đối với dân nhập cư nếu chính quyền liên bang thực thi luật của họ ngay từ đầu và ngăn trở dân nhập cư trái phép không vào Mỹ, nhưng Munley (2007) nói rất rõ rằng luật của thành phố Hazleton không thể tái khẳng định quyền của những công dân thành phố nhất định hơn quyền của những công dân khác. Điểm đặt biệt trong tuyên bố này của Munley có lẽ sẽ gây ra kiện tụng bởi vì chính quyền địa phương có thể không bao giờ tuyên bố xâm phạm bất kì quyền

công dân nào, vì họ coi người dân nhập cư không giấy phép là “bất hợp pháp” ngay từ đầu. Do vậy, luật địa phương cho rằng việc phạm tội liên quan tới việc công dân không được mong muốn.

Chúng kiến sự chuyển đổi về mặt vật chất và dân số của thành phố, các quan chức thành phố Hazleton nhìn nhận người nhập cư không giấy phép như mang đến những thay đổi không mong muốn, làm phiền “cuộc sống đồng quê của Mỹ” và làm ảnh hưởng xấu tới “chất lượng cuộc sống” của Hazleton (Barletta trích từ Ludden, 2007). Thị trưởng thành phố Hazleton, Barletta liên tục khẳng định rằng luật của mình được xây dựng thực sự nhằm đuổi những người dân nhập cư không giấy phép ra khỏi thành phố. Nhận xét về cuộc di cư của người La tinh, mặc cho những cản trở của tòa án liên bang nhằm không thực thi luật trước đó, Barletta phát biểu rằng: “ Tôi không muốn họ ở đây, ...Chúng tôi đã thấy người ta chất đồ đạc chặn nệm và rời khỏi thành phố này..Đó là mục đích của chúng tôi, để có một thành phố của những công dân hợp pháp, những người trả thuế” (trích trong Barry, 2006). Những tuyên bố rõ ràng như vậy cho thấy rằng luật được thực thi như một cơ chế nhằm cản trở và vô hiệu hóa những người dân nhập cư không có giấy phép tại Hazleton, theo quan điểm của những quan chức thành phố này, bằng cách bào chữa bằng quan điểm cố gắng bảo tồn thành phố Hazleton, và cũng là bảo vệ nước Mỹ theo những gì lãnh đạo thành phố nhìn nhận. Đối với nhiều người ủng hộ luật nhập cư địa phương, dân nhập cư trái phép chẳng làm được gì ngoài việc là đe dọa tới sự đồng nhất của quốc gia/địa phương, văn hóa và an ninh.

Cuộc đối thoại đặc biệt này dẫn dắt nhóm ủng hộ nhập cư và những người ủng hộ nhóm này, đang chú ý là liên đoàn tự do dân sự Mỹ, bên đã khởi kiện tới việc tranh luận về vấn đề luật của chính quyền thành phố khuyến khích hoặc thậm chí yêu cầu người ta phải phân biệt đối xử với người dân nhập cư trái phép, đặc biệt là người La tinh. Các đạo luật này đặc biệt được nhìn nhận là khuyến khích phân biệt chủng tộc với người da màu và với người nói tiếng khác

và gây ra sự sợ hãi hoặc nghi hoặc. Những người phản đối các luật này cho rằng chương trình đăng ký nhà ở, như được đề xuất trong luật của thành phố Hazleton, sẽ buộc những người dân nhập cư phải di dời đi chỗ khác hoặc phải sống ẩn dật, và/hoặc sống nhờ vào giấy tờ giả. Trong tuyên bố tại phiên tòa cuối cùng, thẩm phán Munley (2007) bác bỏ các cáo buộc phân biệt chủng tộc, sắc tộc hay nguồn gốc xuất thân từ quốc gia và cho rằng luật của Hazleton đã vi phạm việc bảo vệ quy trình cần thiết theo luật thuê nhà của liên bang.

Mặc dù lý lẽ về phân biệt bị bác bỏ, các tổ chức tự do dân sự và những người ủng hộ nhập cư cho rằng phán quyết về Hazleton như là một chiến thắng của những cư dân người La Tinh và những người hoạt động vì quyền của người nhập cư cũng như của người dân. Phán quyết đã đưa ra tiền lệ quốc gia và đưa ra lời cảnh báo sâu sắc tới chính quyền các địa phương khác và những cơ quan chống nhập cư trái phép, những người chờ đợi một phán quyết ủng hộ các biện pháp chống nhập cư địa phương. Tuy nhiên, tuyên bố Munley không làm nản lòng thị trưởng thành phố ngài Barletta, người công khai thề sẽ kêu gọi phán quyết tòa án quận Pennsylvania và sẽ bảo vệ luật thành phố mình bằng mọi cách dù có phải kiện lên tòa án tối cao.

Cuộc đấu tranh này còn lâu mới kết thúc. Trước đó tôi đã nhiều lần nói: Hazleton sẽ không chịu lùi bước. Chúng tôi thấy thất vọng khi nghe phán quyết của tòa án liên bang – thật sai lầm, chúng tôi tin tưởng – rằng Hazleton và những thành phố ở trong hoàn cảnh tương tự trên nước Mỹ không thể đưa ra luật nhằm bảo vệ công dân của họ, dịch vụ của họ và ngân sách của họ (trích trong Fears, 2007).

Các luật về nhập cư không phải là rẻ đối với chính quyền thành phố nhỏ với nguồn lực hữu hạn. Hazleton đã tiêu tốn 100,000\$ cho lần kiện đầu tiên và đang thành lập quỹ kháng lại án của Munley lên tòa án Tối Cao. Nhằm tạo điều kiện cho cuộc vận động của mình, Barletta đã tập hợp được 300,000\$ qua trang

web Bảo vệ thành phố nhỏ (2006) kêu gọi sự đoàn kết của “hàng nghìn thành phố nhỏ và thị trấn dọc nước Mỹ giống như Hazleton”. Sự thành công và nổi tiếng của Barletta cho thấy rằng những phán xét không tuân theo thể chế của luật thành phố Hazleton không thể ngăn được sự phẫn nộ của thành phần chống nhập cư buộc tội người dân nhập cư (không giấy phép) cho tất cả những khiếm khuyết của xã hội làm giảm chất lượng cuộc sống của họ. Trái lại, cố gắng kiểm soát nhập cư ở tầm địa phương sẽ tạo một môi trường hỗ trợ cho các nhà chức trách thành phố chống lại những tác động tầm địa phương của những gì họ cho rằng vượt quá sự “cởi mở và chịu đựng” (Small Town Defenders, 2006).

Luật nhập cư địa phương được thảo và đưa ra bởi những cá nhân với quan điểm mạnh về nhập cư và được ủng hộ bởi những chính trị gia đảng bảo thủ hoặc hiến pháp. Tại Mỹ, một số chính trị gia tại các địa phương kêu gọi những người theo chủ nghĩa nhân dân và đảng cộng hòa tìm cách thu hút sự ủng hộ của những tổ chức chống nhập cư tân bảo thủ như FAIR (Liên đoàn vì sự đổi mới nhập cư tại Mỹ) và các nhóm Minutemen của địa phương. Trong nhiều tháng, các nhà lãnh đạo như Joseph Turner không được bầu chọn và thị trưởng Lou Barletta, trong số rất nhiều người khác, đã trở thành người nổi tiếng tại địa phương và trên cả nước về phong trào chống nhập cư “bất hợp pháp”, về truyền thông bảo thủ và các trang blog tân bảo thủ.

Họ đã sử dụng quyền lực chính trị và danh tiếng để thúc đẩy ý tưởng chống nhập cư “bất hợp pháp” và để đảm bảo sự hỗ trợ từ phía quần chúng dành cho họ - và, đáp lại, các chính trị gia địa phương tiếp tục nhấn mạnh vào sự giải trình trách nhiệm không thể kiểm chứng đối với cử tri của họ. Điều này được thể hiện rõ ràng trong những lời nói của thị trưởng Barletta” “Tôi làm việc này là vì những công dân của Hazleton. Tôi thề rằng sẽ bảo vệ họ và những gì chúng ta đang làm” (trích trong Reynolds, 2006). Điều này đã lan đi khắp nơi, như khi Turner nói với cả nước rằng “Người Mỹ đã mệt mỏi vì phải thúc những kẻ khác nói tiếng Anh. Họ mệt mỏi vì cảm thấy như những người ngoại quốc

trên chính đất nước của mình. Và họ cũng mệt mỏi khi nhìn thấy nước mình trở thành một thế giới thứ ba bản thủ” (KCET, 2006). Các chính trị gia ra chính sách nhập cư địa phương có tham vọng lớn đối với luật nhập cư và sự kết tội của họ. Thị trưởng Barletta thừa nhận rằng ông “rất tự hào về luật nhập cư và dự đoán một ngày nào đó nó sẽ trở thành luật của Mỹ” (trích trong Reynold, 2006).

Các chính trị gia tại địa phương tìm cách hợp pháp hóa sự khó chịu của họ đối với việc nhập cư (không có giấy phép) bằng cách thực hiện giải trình trách nhiệm, luật và trật tự, và không tin tưởng vào thể chế bang kém hiệu quả và rộng lớn. Theo cách này, luật nhập cư địa phương không chỉ là thách thức về mặt hiến pháp đối với luật liên bang, mà các luật này còn tạo ra hội thoại có cơ sở tại địa phương về tính bất hợp pháp và không được mong đợi dựa trên cơ sở lo sợ và không an toàn – mà, tiếp đó, luật địa phương và các biện pháp loại trừ cản trở hoặc/và vô hiệu hóa dân nhập cư (không giấy phép). Trong tranh luận rằng “một số người lợi dụng sự cởi mở và độ lượng của nước Mỹ” (Small Town Defenders, 2006), các chính quyền địa phương của Mỹ mở rộng tính bất hợp pháp và tội phạm xây dựng bởi việc củng cố thắt chặt biên giới tới vấn đề lớn hơn của sự không được mong đợi và sự không thể kiểm soát nổi của dân nhập cư.

Chính sách cản trở tại thị trấn Hérouxville, Quebec.

Theo tinh thần bảo vệ thị trấn nhỏ tương tự, chính quyền thành phố Hérouxville (2007a; 2007b) tại Quebec đã công khai đưa ra bản tuyên bố về “chuẩn sống”, một mã để điều hành những người nhập cư tương lai mong muốn xây dựng cuộc sống tại vùng nông thôn nhỏ nằm giữa Montreal và thành phố Quebec. Điểm thú vị là, chỉ có 5 người trong số 1,235 công dân thiên chúa giáo nói tiếng Pháp và tự tuyên bố của thành phố Hérouxville được sinh ra ở nước ngoài (theo thống kê của Canada, 2006; Girard, 2007). Vì vậy không có nhiều công dân nhập cư hay vấn đề nhập cư gì lớn tại Hérouxville. Tuy nhiên nhập cư nói chung, và

đặc biệt hơn là những nỗ lực (không thành công) của Quebec nhằm phân vùng nhập cư, bị các quan chức địa phương nhìn nhận như mối đe dọa tiềm tàng đối với truyền thống nông thôn và chất lượng cuộc sống.

Mã kiểm soát của Herouxville được chuẩn bị đặc biệt như một sự đáp trả sự vượt quá của chủ nghĩa đa văn hóa và giao lưu văn hóa đối với văn hóa và sự đồng nhất của quốc gia mà những người dân nhập cư đã bị yêu cầu phải hòa nhập hoặc thậm chí là đồng hóa. Các quan chức thành phố này tin rằng chính sách đa văn hóa và giao lưu văn hóa bị những người nhập cư lạm dụng tới mức thành phố này giờ đây, như họ nói, sẽ phải thích ứng với những người nhập cư (Drouin, 2007). Họ cũng coi những quyền được thừa nhận và tự do ngang nhau trong cả hiến pháp của Quebec và Canada là vượt quá mức và sẽ đe dọa tới văn hóa của nước chủ nhà.

Được ghi rõ ràng “chỉ trong vài giờ” bởi thành viên hội đồng Denis Drouin (thomson, 200: 42), tuyên bố của Herouxville dựa trên bảng điều tra trả lời 19 câu hỏi đơn giản có/không thực hiện trên 196 công dân thị trấn thuộc 10 hạt địa phương của Meskinac vào tháng 12 năm 2005.. Tư hào về trách nhiệm giải trình và tư vấn công của mình, hội đồng thị trấn Herouxville đã công khai tuyên bố làm rõ đời sống xã hội và tập quán của người dân Herouxville để những người nhập cư mới đến có thể “có quyết định rõ ràng về việc hòa nhập” (Chính quyền thành phố Herouxville, 2007b: 1). Cấu trúc như một kiểu tối hậu thư văn hóa, phần đầu của bản tuyên ngôn có nói rõ “Chúng tôi đặc biệt muốn thông báo cho những người mới tới rằng phong cách sống ở nước mẹ đẻ của họ không thể được mang sang đây và họ sẽ phải thích nghi với cộng đồng xã hội mới” (ibid: 1). Những tuyên bố rõ ràng như vậy đã đi ngược lại chính sách đa văn hóa chính thức của Canada và chính sách giao lưu văn hóa của Quebec, cả 2 chính sách này đều công nhận sự đa dạng văn hóa như một sự thật không thể phủ nhận của cuộc sống xã hội.

Tuyên bố dài 5 trang, được hội đồng thành phố công khai duyệt nhưng không có một sự ưu ái nào của luật pháp, đã mô tả một số phong cách sống không được chào đón. Các quan chức thị trấn Herouville coi việc “giết phụ nữ trong các cuộc bạo loạn công cộng hoặc thiêu sống họ không nằm trong chuẩn mực của cuộc sống chúng ta” (ibid: 2). Các quan chức đã xem xét chút ít về ngôn ngữ trong bản tuyên ngôn, mà ban đầu cấm việc ném đá phụ nữ, sau khi đoàn phụ nữ đạo Hồi từ công đoàn người đạo hồi tại Canada (cơ sở đặt ở Montreal) đến gặp họ (Chính quyền Herouville, 2007c; 2007d). Một ví dụ khác đặt dưới góc độ an ninh cho thấy rằng “bạn có thể không che mặt vì người ta có thể nhận ra bạn trong đám đông. Thời điểm duy nhất bạn có thể che mặt là dịp lễ Halloween” (([Municipality of Hérouxville, 2007b](#): 3). Có rất nhiều những ví dụ khác replete with mô hình offensive, nhưng đủ để nói rằng bản tuyên ngôn cố gắng xác định những ai là công dân của Herouville là bằng cách chính ra họ không phải là ai – và họ không muốn là ai. Vượt ra ngoài việc xem xét các hành động của mình là bài ngoại hay phân biệt chủng tộc, chính quyền địa phương thấy ý định của việc công bố các giá trị cơ bản (của bình đẳng giới, dung thứ, phẩm hạnh và chủ nghĩa thể tục) như một vấn đề không phân biệt về văn hóa ([Drouin, 2007](#); [Municipality of Hérouxville, 2007d](#)) Thành viên hội đồng thành phố Drouin đã bảo vệ mạnh mẽ các nguyên tắc của mình là không chính lại người nhập cư, tuy nhiên, họ rõ ràng thấm nhuần văn hóa tôn giáo khác như một phần chính quan trọng của những chuẩn mực được đề xuất liên quan chủ yếu tới các tập quán của Đạo Hồi và đạo JeWish.

Còn hơn là sự hướng dẫn cho những người nhập cư muốn định cư tại thành phố này, bản tuyên bố, tương tự như luật của Mỹ, được nhìn nhận bởi cá nhân như một mô hình được các chính quyền thành phố khác tại Quebec và Canada áp dụng, cũng như bởi những cơ quan chính phủ cấp cao hơn. Các công dân thành phố Herouville gửi bản tuyên bố của họ tới hai văn phòng liên bang và 5 văn phòng cấp quận liên quan tới vấn đề nhập cư và đa dạng văn hóa, yêu cầu một

sự xét xử (phổ biến) nhanh chóng đối với những người nhập cư tương lai vào Canada (Drouin, 2007). Động tới vấn đề quân sự, Drouin thậm chí còn yêu cầu chính quyền Quebec tuyên bố “tình trạng khẩn cấp” về việc bảo tồn văn hóa bằng cách phủ nhận những giá trị văn hóa trong tương lai và rút lại các biện pháp hiện tại (ibid: 5). Tuyên bố này tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía những người chống đa dạng văn hóa và bảo thủ trong cộng đồng nói chung nhưng những người khác đánh giá tình hình này là '*ridicule, surréaliste, grotesque*' (‘nực cười, lố bịch, kệch cỡm’)(Lacoursière, 2007).

Chính quyền thành phố Quebec (dẫn đầu bởi đảng Tự do) ban đầu phải tay với vụ tranh cãi của Herouxville như một sự cố ngoài lề. Tuy nhiên, do liên tiếp truyền thông quốc tế và quốc gia bị khơi mào bởi tuyên bố này, và vào dịp bầu cử cấp tỉnh, chính quyền đảng tự do Charest tuyên bố sự thành lập của hội đầu tư văn do nhà triết học Charles Taylor và nhà sử học Gerard Bouchard đứng đầu. Sự quản lý của hội đồng nhằm đánh giá thực tế ăn ở liên quan tới sự khác biệt văn hóa thông qua việc tư vấn cộng đồng ở tất cả các vùng thuộc Quebec. Hội đồng chọn cách tiếp cận việc tranh luận về tiện nghi ở diện rộng của giao lưu văn hóa bao gồm, nhưng không hạn chế ở, các khía cạnh về mặt pháp lý của tiện nghi ăn ở chính đáng.

Khái niệm về “tiện nghi hợp lý” được sử dụng từ cuối những năm 1970 nhằm thúc đẩy việc bình đẳng trong thực tế giao lưu văn hóa bằng cách giảm thiểu phân biệt hoặc thương lượng về những ưu tiên xã hội. Một tiện nghi hợp pháp là nghĩa vụ pháp lý nhằm giải quyết thực tế phân biệt đối xử (dựa trên chủng tộc, quốc tịch hoặc sắc tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, khuyết tật về cơ thể hoặc trí tuệ) nhằm bảo vệ sự bình đẳng (như được định nghĩa trong Luật về Quyền và tự do của Canada và Quebec). Khi không có sự phân biệt đối xử, khái niệm được hiểu là sự hòa giải không có can thiệp của tòa án giữa hai bên thông qua trung gian, thỏa hiệp hoặc tranh luận công (Azdouz, 2003). Một tiện nghi hợp lý vì vậy không phải là quyền ưu tiên dành cho những thành viên “thiếu

số”, nó là sự xoa dịu pháp lý của việc phân biệt đối xử hoặc một thỏa hiệp tự nguyện thương lượng. Tuy nhiên, phần nhiều những hiểu nhầm xung quanh khía cạnh này xảy ra vì các trường hợp trung gian nhiều nhất chủ yếu là các vụ kiện về vấn đề tôn giáo (lịch làm việc, phòng nguyện tại nơi làm, quyền mặc “*hijab*” hay mang “*kirpan*” kỷ niệm tại nơi công cộng, vân vân..) và vì vậy rất nhiều người có xu hướng tin rằng nghĩa vụ pháp lý áp dụng đối với tất cả các tình huống xã hội (hoặc ngược lại).

Tuyên bố của Herouxville rõ ràng là đã thấp lên tranh luận về tiện nghi hợp lý/không hợp lý bằng cách đưa ra những câu hỏi rất phức tạp theo một cách rất thô sơ. Xuất hiện trước Hội đồng Bouchard- Taylor 9 tháng sau bản tuyên bố đầu tiên, Drouin và Thompson (2007) đã lặp đi lặp lại ý kiến ban đầu và mở rộng danh sách những cách sống hay chuẩn mực sống có thể được chấp nhận dành cho dân nhập cư. Ở giữa tuyên bố Herouxville là sự căng thẳng tương tự giữa những gì dường như là giải pháp hữu hình cho một vấn đề cũ – trong trường hợp cụ thể này, sự thất bại của chính quyền trong việc đưa ra thuật ngữ rõ ràng về sự hòa nhập của người nhập cư (hoặc sự đồng hóa như được nói tới trong bản tuyên bố). Drouin thường xuyên bảo vệ bản thân mình bằng cách nói rằng quan điểm của ông mang tính chất đại diện và phù hợp với quan điểm của công dân thành phố (của địa phương, vùng và thậm chí là tỉnh) những người ưu thích ông, cảm thấy phần nội vì sự gia tăng quá đáng của dân nhập cư. Như tại Mỹ, việc giải trình trách nhiệm mạnh mẽ hợp pháp hóa quan điểm của những quan chức được bầu cử. Drouin và thị trưởng thành phố Herouxville lấy làm tự hào vì đã lắng nghe cử tri – và họ thúc giục các cấp chính quyền cao hơn làm những việc tương tự bằng cách ra tuyên bố về lợi ích của tất cả công dân Canada (Drouin, 2007). Sử dụng cách diễn giải khoa trương về sự nổi tiếng của mình được sử dụng bởi Barletta tại Hazleton, thị trưởng thành phố Herouxville nói rằng “Tôi đã trở thành chính trị gia nổi tiếng nhất. Tại sao? Đơn giản vì tôi

đã hoàn thành nhiệm vụ của mình để hỗ trợ những người bầu cử mình! Điều đó thật là hiếm thấy và cả thế giới sẽ ngạc nhiên!” (ibid,: 8).

Đặt những bài ca ngợi sang một bên, tuy nhiên vẫn có những vấn đề quan trọng cần phải xem xét trong tuyên bố kinh tởm này. Tuyên bố đại diện cho nỗi sợ hãi và sự phản ứng với các nền văn hóa “khác”. Được kích thích bởi sự kiện tại các thành phố lớn hơn (ví dụ như Montreal, Toronto và Vancouver, nơi 73% dân nhập cư sống tại đó), nghị quyết này không chỉ thể hiện một sự phản kháng mạnh mẽ về phái chủ nghĩa đa văn hóa mà còn nhấn mạnh vào sự chia tách giữa các thành phố và vùng miền ít có sự đa dạng văn hóa. Những thành phố lớn hơn tại Canada nhìn chung xem việc đa dạng xã hội như một nhân tố tích cực của đời sống đô thị. Azdouz (trích trong [Lacoursière, 2007](#)) kết luận rằng bản tuyên bố thể hiện cả xã hội chủ nhà/nhập cư và ngăn cách chủ nghĩa thế giới/nhà thờ. Theo Dubuc (2007), bản tuyên bố của Herouxville chống lại montreal và các ý tưởng, cách sống và sự hỗ trợ của thành phố này đối với xã hội đa sắc tộc mà thực sự là thách thức đối với thị trấn nhỏ. Sự thật rằng bản tuyên bố rõ ràng ám chỉ người đạo Hồi cũng thể hiện sự căng thẳng giáo sĩ thế tục/tôn giáo quan trọng, mặc dù cộng đồng người đạo Hồi tại Quebec tương đối nhỏ và tập trung tại và xung quanh Montreal. Như vậy, những lo sợ kiểu này không phải dựa trên kinh nghiệm cá nhân mà có vẻ dựa nhiều hơn vào kiểu truyền thống cảnh bá từ Mỹ và châu âu (đặc biệt là Pháp).

Trong khi tuyên bố có tính khiêu chiến của Herouxville đã khuấy động tranh cãi về tình trạng đa nguyên và sự hội nhập của người nhập cư, có lẽ nó cũng thể hiện một sự bất ổn về sự thống nhất xã hội liên quan nhiều hơn tới chủ nghĩa đa văn hóa của người canada hơn là chính sách nhập cư của nước này – tuy nhiên cả hai vấn đề này đều đang được kết nối một cách chặt chẽ. Người dân nhập cư quá thường xuyên trở thành biểu hiện cho những lo lắng xã hội. Trong báo cáo của mình, hội đồng Bouchard- Taylor nhấn mạnh nhu cầu hòa giải và đặc biệt chỉ ra nhu cầu hàn gắn khoảng cách giữa thực tế và những nhận thức sai lầm về

đa dạng xã hội. Bản báo cáo dài 310 trang bóc trần một cách đau đớn những thực tế bị hiểu sai và nhìn nhận cuộc tranh luận như một sự hoang mang do những thông tin truyền thông gây xôn xao dư luận và chiến dịch bầu cử tân tự do, tuy nhiên là không đại đại cho phần còn lại của Quebec (Bouchard and Taylor, 2008a)

Tuy nhiên, Bouchard và Taylor (2008b: 76) nhận ra rằng “Những trải nghiệm gần đây của Quebec không phải là bất thường hay đặc biệt” và rằng nhiều nước phương Tây khác cũng gặp phải vấn đề nhập cư như một sự đe dọa đối với trật tự xã hội của họ. Vì vậy giống như ở những thị trấn tại Mỹ, tuyên bố Herouxville thể hiện rõ ràng một sự khó chịu đối với việc định cư của những người nhập/di cư trong những thị trấn nhỏ ở gần những thành phố lớn. Như tại Mỹ, tuyên ngôn Herouxville được thành viên tân bảo thủ thảo ra, người có tham vọng lớn về quan điểm của ông và phản ứng lại với sự hờ hững của chính quyền cấp cao hơn trong vấn đề nhập cư và nỗi lo sợ rằng nhập cư sẽ làm đảo lộn xã hội nước chủ nhà.

Kết luận: “bất hợp pháp” không phải là bất hợp pháp

Khi thâm nhập vào chính sách nhập cư, mà trước đây thuộc độc quyền của liên bang, chính quyền các địa phương đã thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm cản trở và vô hiệu hóa dân nhập cư (không giấy phép) để họ không thể định cư tại quốc gia của mình. Các luật của chính quyền thành phố tại Mỹ thể hiện một số quy định mang tính chất trừng phạt nhất của liên bang, trong khi đó cũng cố gắng thực thi kiểm soát cao hơn đối với cuộc sống của người dân nhập cư (không giấy phép) thông qua chương trình đăng ký nhà ở và việc làm. Trong phán quyết vào hồi tháng 7 về luật thành phố Hazleton, quan tòa James Munley (2007: 130) đã làm rõ rằng “luật của chính quyền thành phố gây gánh nặng hơn cho người dân nhập cư hơn luật liên bang bằng cách cấm họ không được sinh

sống trong thành phố mặc dù họ có thể được phép ở lại Mỹ”. Thêm vào việc mâu thuẫn với luật liên bang, và pre-empted, các biện pháp của chính quyền địa phương “đường như gắn các hoạt động chính trị của người Latinh với việc phạm pháp” và vì vậy đã tạo ra “một môi trường lo âu khiến mọi người tránh quan hệ với những người mà thể hiện sự quan tâm tới quyền của người nhập cư và người La tinh” (ibid: 25). Trong các đạo luật và hàng loạt những lần xuất hiện trước công chúng, những người bảo vệ thị trấn nhỏ tuyên bố rằng sự phạm pháp mang tới những điều không được mong muốn. Mặc dù hoạt động trong bối cảnh quốc gia về luật nhập cư hoàn toàn khác, mã quản lý của *herouxville* tất nhiên là, mã quản lý được mong muốn kết tội những người dân nhập cư không được mong muốn tại Canada.

Các biện pháp nhập cư địa phương ở cả 2 quốc gia đều thể hiện rõ sự tích hợp của an ninh quốc gia và chính sách nhập cư, và sự khó chịu trước việc có mặt của dân nhập cư. Đề cập tới vấn đề vượt quá mức chịu đựng và điều kiện ăn ở đối với sự xuất hiện và sinh sống của người nhập cư, chính sách nhập cư địa phương đã thể hiện sự bảo vệ văn hóa quốc gia và địa phương thông qua những gì họ cho là đàm luận về sự đồng hóa không sắc tộc. Tuy nhiên, theo như quan điểm Bigo (2005: 27), “sự đàm luận về đồng hóa tự nó trở thành vấn đề an ninh tới mức mà nó được hiểu là sự hòa nhập con người nhưng không phát triển họ, theo hướng ngăn ngừa những chống đối trong tương lai”

Trong khi an ninh quốc gia không biên giới ngày càng gia tăng và chủ nghĩa tân tự do có thể giải thích những nhân tố thúc đẩy tương tự cho chính sách nhập cư của địa phương tại Mỹ và Canada, có một vài nguyên nhân giải thích tại sao các biện pháp chính quyền địa phương tại Canada lại được xây dựng hoàn toàn khác biệt, và tại sao đến tận bây giờ, các biện pháp này vẫn là riêng biệt. Thiếu sự tranh luận rõ ràng giữa công chúng và cơ quan lập pháp về đổi mới nhập cư kèm với một số lượng tương đối nhỏ người dân nhập cư bất hợp pháp, sự xuất hiện của chính sách đa dạng văn hóa (tăng cường cạnh tranh giữa những người

bảo thủ đi quá xa trong vấn đề bảo vệ sự khác biệt văn hóa và những người tân tiến không đi xa đủ để phát triển công bằng xã hội), sự chia tách chính phủ giữa nhập cư và vấn đề an ninh quốc gia tại các cơ quan khác nhau của Canada (trái với Văn phòng an ninh Quốc gia của Mỹ) một phần giải thích cho quy mô tương đối hạn chế cho việc phản kháng chính thức đối với dân nhập cư tại Canada.

Mặc dù có những khác biệt này, sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa vấn đề nhập cư và an ninh giữa Mỹ và Canada đã được xem xét trong những năm gần đây. Những người hoạt động vì người nhập cư tại Canada gần đây đã lên án chính sách nhập cư kiểu Mỹ do chính quyền bảo thủ Harper thực hiện nhằm buộc một số nhóm nhất định phải rời đi. Song song tại thời điểm hiện tại, những nhà ra chính sách nhập cư và các chính trị gia của Mỹ, về phía họ, đã thể hiện sự quan tâm tới hệ thống nhập cư dựa trên cơ sở ưu việt của Canada ưu đãi trình độ học vấn và kỹ năng nghiệp đối với sự tái thống nhất gia đình (và là 1 cách để ngăn chặn và kiểm soát dân nhập cư trái phép không có kỹ năng).

Trong khi những lý giải và tác động nằm ở tầm kiểm soát liên bang và, như vậy, tái khẳng định quyền lực của quốc gia đối với nhập cư, chống lại việc ủng hộ nhập cư và luật chống nhập cư cho thấy rõ ràng rằng tranh luận chính trị về nhập cư cũng liên quan tới các thị trấn, thành phố và tôn giáo (Ellis, 2005). Các nhân tố chống nhập cư và ủng hộ theo những cách khác nhau, đều nhấn mạnh 1 sự căng thẳng giữa kiểm soát liên bang đối với quản lý nhập cư và cư trú, và sự giảm sút trách nhiệm của các bang và thành phố với vấn đề phúc lợi cho người dân. Trong khi sự thoái hóa tân tự do của nhập cư và trách nhiệm hòa nhập kèm theo chi phí thực sự rất phiền toái đối với nhiều địa phương, tuy nhiên, các địa phương vẫn có những cách rất khác nhau để biểu lộ sự bất bình của mình.

Đối với một số người, thách thức tài chính về vấn đề nhập cư thể hiện sự khó chịu của họ trước vấn đề gia tăng lượng người nhập cư trong xã hội. Các biện

pháp nhập cư địa phương được sử dụng để hợp pháp hóa quyền lực chính trị của một số quan chức được đề cử nhằm kiểm soát sự có mặt và hoạt động của dân nhập/di cư và nhằm bảo vệ chất lượng cuộc sống của dân địa phương trước những thay đổi về văn hóa, chính trị và dân số. Về mặt không biên giới của vấn đề an ninh/không an ninh, một số nhà chức trách địa phương (và không phải là những người khác) đã cho việc nhập cư như một vấn đề an ninh nhằm biểu lộ sự e ngại của họ trước việc mất kiểm soát đối với biên giới lãnh thổ của họ.

Những lo ngại này cộng hưởng với những người theo đảng bảo thủ địa phương, giới truyền thông quốc gia, nhóm ủy viên ban trật tự tuần tra khu vực biên giới và các chương trình nghị sự an ninh lớn hơn (Bigo, 2002). Trong việc tái diễn tranh luận về an ninh/không an ninh, các chính khách địa phương, thông qua những luật nhập cư, đã thể hiện bản thân như những nhà quản lý tận tâm và trách nhiệm đối với luật pháp, trật tự và chất lượng cuộc sống. Trái với những gì những nhà lãnh đạo địa phương muốn công chúng tin, “bất hợp pháp” là bất hợp pháp. “Bất hợp pháp” theo nghĩa “không có giấy phép” đơn giản và dễ dàng làm hoang mang sự thống trị, sự phụ thuộc kinh tế và quyền dân sự của chính sách nhập cư. Khía cạnh báo động của các biện pháp chống nhập cư của chính quyền địa phương – dù ở Hazleton hay ở Heuroxvillle – là việc chúng nhằm trao quyền hợp pháp cho sự loại trừ không gian xã hội, sự phủ nhận chủ nghĩa phân biệt sắc tộc và sự thoái hóa quyền dân sự - dưới cái vỏ của cái gọi là quản lý sự bất an (*ibid.*).

References Tham khảo

Andreas, P. (2002) Trò chơi biên giới: chính sách phân chia ranh giới Mỹ -Mexico *Border games: policing the US-Mexico divide*. Cornell University Press Nhà xuất bản đại học, Ithaca.

Andreas, P. (2003) Truyện về 2 biên giới A tale of two borders. In P.

Andreas and T.J. Biersteker (eds.), *The rebordering of North America*, Routledge, New York. Tái thiết biên giới Bắc Mỹ

Associated Press (2007) Hazleton immigrants' charges failed. Los Angeles Times 7 tháng 7 July. URL <http://www.latimes.com> (accessed 7 July 2007).

Azdouz, R. (2003) Du hijab au kirpan: entre l'obligation d'accommoder et le choix de tolérer. Université de Montréal, 23 May [WWW document]. URL <http://www.mels.gouv.qc.ca> (accessed 7 July 2007).

Barry, E. (2006) Two communities are sued over strict immigration laws. Los Angeles Times 16 August. URL <http://www.boston.com> (accessed 7 June 2007).

Bigo, D. (2002) Security and immigration: toward a critique of the governmentality of unease. *Alternatives* 27 February, 63–92.

Bigo, D. (2005) Globalized (in)security: the field and the ban-opticon. *Traces: A Multilingual Series of Cultural Theory* 4, 1–33 [WWW document]. URL <http://www.wmin.ac.uk/sshl/pdf/CSDBigo170106.pdf> (accessed 16 December 2006). [Links](#)

Bouchard, G. and C. Taylor (2008a) Fonder l'avenir: le temps de la conciliation. Rapport of the Commission de consultation sur les pratiques d'accommodement reliées aux différences culturelles, Gouvernement du Québec. URL <http://www.accommodements.qc.ca/> (accessed 18 June 2008).

Bouchard, G. and C. Taylor (2008b) Building the future: a time for reconciliation. Abridged report of the Commission de consultation sur les pratiques d'accommodement reliées aux différences culturelles, Gouvernement du Québec. URL <http://www.accommodements.qc.ca/> (accessed 18 June 2008).

CBC News (2007) Quebec towns reject Hérouxville immigrant code, 7 February. URL <http://www.cbc.ca> (accessed 5 January 2008).

City of Hazleton (2006a) Ordinance 2006-18 Illegal Immigration Relief Act Ordinance. URL <http://www.hazletoncity.org> (accessed 7 July 2007).

City of Hazleton (2006b) Ordinance 2006-19 Official English Ordinance. URL <http://www.hazletoncity.org> (accessed 7 July 2007).

City of Hazleton (2006c) Ordinance 2006-13 Landlord Tenant Ordinance. URL <http://www.hazletoncity.org> (accessed 7 July 2007).

Coleman, M. (2005) US statecraft and the US-Mexico border as security/economy nexus. *Political Geography* **24.2**, 185–209. [Links](#)

Coleman, M. (2007) Immigration geopolitics beyond the Mexico-US border. *Antipode* **95.1**, 54–76. [Links](#)

Coutin, S.B. (2005) Contesting criminality: illegal immigration and the spatialization of legality. *Theoretical Criminology* **9.10**, 5–33. [Links](#)

Coutin, S.B. (2000) *Legalizing moves: Salvadoran immigrants's struggle for U.S. residency*. University of Michigan Press, Ann Arbor.

Customs and Border Patrol (2007) Apprehensions down 30 percent along southern border, 7 December [WWW document]. URL <http://www.cbp.gov> (accessed 18 June 2008).

De Genova, N. (2004) The legal production of Mexican/migrant 'illegality'. *Latino Studies* **2**, 160–85 [Links](#)

Drouin, D. (2007) Solution présentée au Ministre Jean Charest. URL <http://municipalite.herouville.qc.ca> (accessed 7 July 2007).

Drouin, D. and B. Thompson (2007) Report presented to Consultation Commission on Accommodation Practices Related to Cultural Differences, 6 September. URL <http://municipalite.herouville.qc.ca/bouchardtaylorenglish.pdf> (accessed 16 December 2007).

Dubuc, A. (2007) Hérouxville et l'hydre montréalaise. Le devoir (Montreal), 14 February. URL <http://www.cjc.ca> (accessed 7 June 2007).

Ellis, M. (2005) Unsettling immigrant geographies: US immigration and the politics of scale. *Tijdschrift voor Economische en Social Geografie* **97.1**, 49–58. [Links](#)

Fears, D. (2007) Judge blocks city's ordinances against illegal immigration. Washington Post, 27 July. URL <http://www.washingtonpost.com> (accessed 16 December 2007).

FIRM — Fair Immigration Reform Movement (2007) Database of recent local ordinances on immigration. Updated 16 January 2007. URL <http://www.fairimmigration.org> (accessed 20 July 2007).

Gilmore, R.W. (2007) *Golden gulag: prisons, surplus, crisis and opposition in globalizing California*. University of California Press, Berkeley, CA.

Girard, M. (2007) Les 'immigrants' de Hérouxville. La Presse (Montreal), 28 January. URL <http://www.cyberpresse.ca> (accessed 7 June 2007).

Government of Canada (2007) Canadian Multiculturalism Act of 1988. URL <http://www.canadianheritage.gc.ca> (accessed 18 June 2008).

Harvey, D. (2005) *A brief history of neoliberalism*. Oxford University Press, Oxford.

Juteau, D. (2002) The citizen makes an entrée: redefining the national community in Quebec. *Citizenship Studies* **6.4**, 441–58. [Links](#)

Kanstroom, D. (2004) Criminalizing the undocumented: ironic boundaries of the post-September 11th 'Pale of Law'. *North Carolina Journal of International Law and Commercial Regulation* **29.4**, 639–70. [Links](#)

KCET (2006) Life and times transcript, 18 May [WWW document]. URL <http://www.kcet.org> (accessed 7 June 2007).

Kil, S.H. and C. Menjivar (2006) The 'war on the border': criminalizing immigrants and militarizing the US-Mexico border. In R. Martinez Jr and A.

Valenzuela Jr (eds.), *Immigration and crime*, New York University Press, New York.

Lacoursière, A. (2007) Ridicule, surréaliste, grotesque. La presse (Montreal), 28 January. URL <http://www.cyberpresse.ca> (accessed 7 July 2007).

Legomsky, S.H. (2007) The new path of immigration law: assymetric incorporation of criminal justice norms. *Washington and Lee Law Review* 64.2, 493–530. [Links](#)

Ludden, J. (2007) Hazleton's anti-illegal immigrants law challenged. NPR all things considered, 12 March [WWW document]. URL <http://www.npr.org> (accessed 7 June 2007).

Menlo Park City (2006) Menlo Park City Council email log, 6 July [WWW document]. URL <http://ccin.menlopark.org> (accessed 10 April 2006).

Miller, T.A. (2003) Citizenship and severity: recent immigration reforms and the new penology. *Georgetown Immigration Law Journal* 17.4, 611–66. [Links](#)

Municipality of Hérouxville (2007a) Normes de vie. URL <http://municipalite.herouxville.qc.ca> (accessed 20 July 2007).

Municipality of Hérouxville (2007b) Standards. URL <http://municipalite.herouxville.qc.ca> (accessed 20 July 2007).

Municipality of Hérouxville (2007c) Council resolution 25 January 2007. URL <http://municipalite.herouxville.qc.ca> (accessed 20 July 2007).

Municipality of Hérouxville (2007d) Council resolution 5 February 2007. URL <http://municipalite.herouxville.qc.ca> (accessed 20 July 2007).

Munley, J. (2007) Lozano vs City of Hazleton. United States District Court for the Middle District of Pennsylvania, No. 3:06cv1586, 26 July.

National Conference of State Legislatures (2007) 2007 enacted state legislation related to immigrants and immigration, 29 November. URL

<http://www.ncsl.org/programs/immig/2007immigrationfinal.htm> (accessed 16 December).

Nevins, J. (2002) *Operation gatekeeper: the rise of the 'illegal alien' and the making of the US-Mexico boundary*. Routledge, New York.

Nevins, J. (2007) Dying for a cup of coffee? Migrant deaths in the US-Mexico border region in a neoliberal age. *Geopolitics* **12.2**, 228–47. [Links](#)

Ngai, M.M. (2004) *Impossible subjects: illegal aliens and the making of modern America*. Princeton University Press, Princeton, NJ.

Pratt, A. (2005) *Securing borders: detention and deportation in Canada*. University of British Columbia Press, Vancouver.

Raco, M. and R. Imrie (2000) Governmentality and rights and responsibilities in urban policy. *Environment and Planning A* **32.12**, 2187–204. [Links](#)

Reynolds, B. (2006) Barletta signs immigration law, 14 July. URL <http://www.wned.com> (accessed 20 March 2007).

Rose, N. (1999) *Powers of freedom: reframing political thought*. Cambridge University Press, Cambridge.

Small Town Defenders (2006) Homepage: welcome to Small Town Defenders! [WWW document]. URL <http://www.smalltodefenders.com/public/> (accessed 16 December 2007).

Statistics Canada (2006) Community profiles: Hérouxville. URL <http://www.statcan.ca> (accessed 18 June 2008).

Talmadge, P.A. (2000) The myth of property absolutism and modern government: the interaction of the police power and property rights. *Washington Law Review* **75.3**, 857–909. [Links](#)

Thompson, B. (2007) *Le syndrome Hérouxville ou les accommodements raisonnables*. Momentum, Boisbriand, QC.

Turner, J. (2006) City of San Bernardino Illegal Immigration Relief Act

Ordinance. URL <http://www.campaignsitebuilder.com> (accessed 10 April 2007).

Walters, W. (2002) Deportation, expulsion, and the international police of aliens. *Citizenship Studies* 6.3, 265–92. [Links](#)

Walters, W. (2006) Border/control. *European Journal of Social Theory* 9.2, 187–203. [Links](#)

Weber, M. (1947) *Theory of Social and Economic Organization*. The Free Press, New York.

Wells, M.J. (2004) The grassroots reconfiguration of US immigration policy. *International Migration Review* 38.4, 1308–47. [Links](#)

Footnotes Chú thích

1 Từ “không có giấy phép” được ưa thích hơn so với từ “bất hợp pháp” và được sử dụng thay thế với “không có giấy phép” để ám chỉ những người không có tình trạng nhập cư chính thức tại Mỹ. Từ này đôi khi được đề trong ngoặc bởi vì phần lớn các luật và sắc luật nhắm tới dân nhập cư “bất hợp pháp” nhưng hậu quả không chỉ tác động tới nhóm này. Sử dụng ngoặc kép cũng nhằm nói về (và phân biệt) nhập cư/di cư trong bối cảnh tại Mỹ và Canada.

2 Tại Canada, thỏa thuận giữa các vùng và cấp tỉnh liên bang cho tỉnh hoặc 1 hạt quyền lựa chọn, kiểm soát và bù đắp đối với các dịch vụ định cư. Phòng Công dân và Nhập cư liên bang của Canada giữ trách nhiệm trong định nghĩa về các vấn đề nhập cư, mức độ chấp nhận và quy trình thực thi.

3 Lập luận chủ yếu của Hazleton về sự cần thiết của luật nhập cư là vì dân nhập cư không giấy phép phạm tội và tốn thêm nhiều chi phí cho các dịch vụ xã hội. Thị trưởng Barltta đã nhắc lại liên tiếp vụ bắt Derek Kichline 29 tuổi như một động lực cho việc làm luật của mình, tuy nhiên, vào tháng 7 năm

2007, người khởi kiện đã từ bỏ việc yêu cầu phí phạm tội đối với 2 người nhập cư trái phép đang ở tù cho tới khi họ bị trục xuất về cộng hòa Dominica (Associated Press, 2007)

4 Đạo luật Đa dạng văn hóa của Canada năm 1988 nói rằng “Đó là...chính sách của chính phủ Canada nhằm nhận diện và phát huy tư tưởng rằng đa dạng văn hóa phản ánh sự đa dạng về văn hóa và chủng tộc trong xã hội Canada và thừa nhận sự tự do của tất cả mọi người trong xã hội Canada trong việc gìn giữ, phát huy và chia sẻ di sản văn hóa của họ” (Chính phủ Canada, 2007).

5 Một phần là một sự phản ứng của chính sách đa dạng văn hóa, và một phần, bởi vì nó phù hợp hơn với những đặc điểm chính trị xã hội, Quebec phát triển chính sách giao lưu văn hóa trong những năm cuối của thập niên 80. Chính sách giao lưu văn hóa cho rằng sự đa dạng không chỉ là điều nên được nhận biết bởi xã hội mà còn là sự tương tác và chuyển đổi giữa người dân nhập cư và xã hội chủ nhà. Những điều như vậy ám chỉ một sự thừa nhận lẫn nhau về sự đóng góp văn hóa đa dạng (như trong chính sách đa dạng văn hóa nhưng cũng tìm kiếm sự hội tụ xã hội của những nhóm cộng đồng hướng tới sự phát triển của xã hội có sự chia sẻ. Tại Quebec, tiếng Pháp được sử dụng như tiếng chung cho xã hội Quebec (Juteau, 2002).

6 Chính quyền St Rock De Mekinac trong lúc các chính quyền thành phố lân cận là Trois-Rives và St Adelphe thực thi giải pháp yêu cầu Hiến pháp Canada hạn chế hợp lý điều kiện đối với các nhóm tôn giáo. Chính quyền lân cận là Grandes Piles và St Thecle cũng lên án những nội dung, tính hợp lệ và sự đại diện của luật về hành vi (code of conduct) (CBC news, 2007).